

Số: /GPMT-BQL

Đà Nẵng, ngày tháng 9 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 2)

BAN QUẢN LÝ
KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ
KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1296/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng và Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 1296/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy

phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong Khu công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin tập trung, Khu thương mại tự do và các Khu công nghiệp;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng cấp cho Công ty Cổ phần Dược Danapha địa chỉ trụ sở chính tại 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ cao” địa chỉ tại lô A22, đường số 3, Khu công nghệ cao, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng;

Xét Văn bản số 1045/CV-DAN ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Công ty Cổ phần Dược Danapha về việc đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ cao;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Xây dựng và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Dược Danapha có địa chỉ trụ sở chính tại 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ cao” địa chỉ tại lô A22, đường số 3, Khu công nghệ cao, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022.

Điều 2. Công ty Cổ phần Dược Danapha tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh này.

Điều 3. Giấy phép môi trường điều chỉnh này thay thế Giấy phép môi trường điều chỉnh số 329/GPMT-BQL ngày 14 tháng 02 năm 2025 (điều chỉnh lần 1). Giấy phép môi trường điều chỉnh này có hiệu lực từ ngày ký ban hành cho đến khi Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố;
- UBND phường Liên Chiểu;
- Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý;
- Công ty Cổ phần Dược Danapha;
- Trung tâm DVTH;
- PTB Thái Ngọc Trung (báo cáo);
- Lưu: VT, XD&MT.

TRƯỞNG BAN

Vũ Quang Hùng

Phụ lục

NỘI DUNG GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh số /GPMT-BQL ngày tháng 9 năm 2025 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

1. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1.1. Điều chỉnh, bổ sung nội dung tiểu mục 1.1. mục 1 phần B Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 như sau:

“- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ hoạt động rửa, vệ sinh máy móc, thiết bị trong quy trình sản xuất và sau khi sản xuất nhà xưởng số 7 (nhà xưởng sản xuất dược phẩm OSD công nghệ cao) → Đường ống uPVC DN90, DN110, DN160, DN200 → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh chai lọ đựng sản phẩm nhà xưởng số 7 (nhà xưởng sản xuất dược phẩm OSD công nghệ cao) → Đường ống uPVC DN90, DN110, DN160, DN200 → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.”

1.2. Điều chỉnh, bổ sung nội dung tiểu mục a 1.2. mục 1 phần B Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 như sau:

“a) Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ

* Bể tự hoại:

- Vị trí: Nhà xưởng OSD; Khu nhà văn phòng; Khu nhà phụ trợ; Tổng kho; Nhà xưởng thuốc tiêm - dịch truyền; Nhà xưởng số 7; Nhà bảo vệ.

- Công suất thiết kế: 24m³ (01 bể); 11m³ (01 bể); 10m³ (01 bể); 7,5m³ (02 bể) và 3m³/bể (03 bể).

* Bể tách dầu mỡ (Khu nhà bếp):

- Vị trí: Đặt âm dưới khu vực nhà bếp.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tách dầu mỡ (BxLxH = 4,4x2,5x1,8m) → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

- Công suất thiết kế: 7,5m³

* Bể tách dầu mỡ (Nhà xưởng thuốc tiêm - dịch truyền):

- Vị trí: Đặt âm dưới khu vực nhà xưởng thuốc tiêm - dịch truyền.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hồ ga lắng cặn → Bể tách dầu mỡ ($B \times L \times H = 5,3 \times 1,8 \times 1,9 \text{m}$) → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải $90 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

- Công suất thiết kế: $7,5 \text{ m}^3$

2. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

2.1. Điều chỉnh, bổ sung nội dung phần A Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 như sau:

“1. Nguồn phát sinh khí thải

* Nguồn khí thải có công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ hệ thống xử lý khí thải phát sinh của hệ thống xử lý nước thải $90 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

* Nguồn khí thải không có công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Nguồn số 02: Khí thải từ hệ thống thoát khí, hơi hóa chất phát sinh sau tủ hút tại phòng QC (tầng 1) nhà xưởng OSD.

- Nguồn số 03: Khí thải từ hệ thống thoát khí, hơi hóa chất phát sinh sau tủ hút tại phòng QC (tầng 2) nhà xưởng OSD.

- Nguồn số 04: Khí thải từ hệ thống thoát hơi khí, hóa chất phát sinh sau tủ hút tại trung tâm nghiên cứu R&D.

- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh tại ống thoát khí lò hơi 1 đốt gas công suất $1,5 \text{ tấn/giờ}$.

- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh tại ống thoát khí lò hơi 2 đốt gas công suất $1,5 \text{ tấn/giờ}$.

- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải, lưu lượng xả thải lớn nhất và phương thức xả thải

- Dòng khí thải: Tương ứng với ống khói sau hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý nước thải $90 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (tương ứng nguồn số 01)

- Tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1779393.2$; $Y = 535075.4$ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$ múi chiều 3°)

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $400 \text{ m}^3/\text{giờ}$

- Phương thức xả khí thải: Xả liên tục (24 giờ).

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty Cổ phần Dược Danapha địa chỉ tại lô A22, đường số 3, Khu công nghệ cao, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) với hệ số $K_p=1$, $K_v=1$, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	Không thuộc đối tượng quy định	Không thuộc đối tượng quy định
2	NH ₃	mg/Nm ³	50		

Ghi chú: Khuyến khích Công ty Cổ phần Dược Danapha thực hiện quan trắc khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở để tự theo dõi, giám sát hoạt động của các hệ thống xử lý khí thải.”

2.2. Điều chỉnh, bổ sung nội dung tiêu mục 1.1. mục 1 phần B Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 như sau:

“- Nguồn số 02: Khí thải từ tủ hút tại phòng QC (tầng 1) nhà xưởng OSD → Quạt hút → Xả ra môi trường qua ống khói số 02.

- Nguồn số 03: Khí thải từ tủ hút tại phòng QC (tầng 2) nhà xưởng OSD → Quạt hút → Xả ra môi trường qua ống khói số 03.

- Nguồn số 04: Khí thải từ tủ hút tại trung tâm nghiên cứu R&D → Quạt hút → Xả ra môi trường qua ống khói số 04.

- Nguồn số 05: Bụi, khí thải từ lò hơi 1 đốt gas → Quạt hút → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói số 05.

- Nguồn số 06: Bụi, khí thải từ lò hơi 2 đốt gas → Quạt hút → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói số 06.

- Nguồn số 07: Khí thải từ máy phát điện dự phòng → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói số 07.”

3. Điều chỉnh về bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường

3.1. Điều chỉnh, bổ sung nội dung mục 1 phần A Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 như sau:

“+ Nguồn số 13: Quạt hút tại lò hơi 1 đốt gas 1,5 tấn/giờ.

+ Nguồn số 14: Quạt hút tại lò hơi 2 đốt gas 1,5 tấn/giờ.

+ Nguồn số 15: Khu vực máy trộn hoàn tất 1 của nhà xưởng 07.

+ Nguồn số 16: Khu vực máy trộn hoàn tất 2 của nhà xưởng 07.

+ Nguồn số 17: Khu vực máy rửa của nhà xưởng 07.”

3.2. Điều chỉnh, bổ sung nội dung mục 2 phần A Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 như sau:

“+ Nguồn số 13 có tọa độ: X= 1779402.4; Y= 535121.6

+ Nguồn số 14 có tọa độ: X= 1779401.9; Y= 535116.2

+ Nguồn số 15 có tọa độ: X=1779495.03; Y=535040.677

+ Nguồn số 16 có tọa độ: X=1779448.28; Y=535048.212

+ Nguồn số 17 có tọa độ: X=1779479.09; Y=535056.197

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰45' múi chiều 3⁰)”

4. Điều chỉnh nội dung cấp phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại và yêu cầu bảo vệ môi trường: Không

5. Điều chỉnh nội dung cấp phép nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và yêu cầu bảo vệ môi trường: Không

6. Các điều chỉnh khác:

6.1. Điều chỉnh, bổ sung nội dung tại điểm 1.6 khoản 1 Điều 1 Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 như sau:

“- Công suất:

+ Sản xuất thuốc viên: 1,5 tỷ viên/năm;

+ Sản xuất thuốc nước: 90 triệu đơn vị/năm.”

6.2. Điều chỉnh, bổ sung nội dung mục 1 phần A Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 như sau:

“1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có thành phần nguy hại	Lỏng	30.919,6	19 05 02
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại)	Rắn	291,3	18 01 03
3	Các loại chất hấp thụ đã qua sử dụng và bã lọc khác (Than hoạt tính đã qua sử dụng)	Rắn	100	03 05 07
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	35	16 01 06
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (Đồ bảo hộ, giẻ lau dính dầu nhớt, dầu mỡ và hóa chất)	Rắn	260	18 02 01
6	Sản phẩm vô cơ có các thành phần nguy hại	Rắn	309,5	19 03 01
7	Sản phẩm hữu cơ có các thành phần nguy hại	Rắn/Lỏng	260	19 03 02
8	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	182	17 02 04
9	Dịch thải từ quá trình chiết tách, dung	Lỏng	130	03 05 02

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
	dịch tẩy rửa và dung môi có gốc halogen hữu cơ			
10	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	500	03 05 08
11	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khác (cặn dầu mỡ thải từ hệ thống thoát nước thải)	Rắn/Bùn	240	03 05 10
12	Chất thải lây nhiễm	-	40	13 01 01
13	Hộp chứa mực in	Rắn	10	08 02 04
14	Ắc quy chì thải	Rắn	65	19 06 01
15	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại (Sản phẩm lỗi, hỏng, sản phẩm hết hạn sử dụng được thu hồi về (tỷ lệ 1%))	Rắn	445,8	03 05 09
Tổng số lượng			33.788,2	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ (tái chế và không tái chế)	18 01 05	120
2	Bả dược liệu	03 05 12	176,5
3	Chai lọ; dụng cụ đựng sản phẩm, không đạt yêu cầu, thủy tinh vỡ	03 05 12	7,8
4	Lõi lọc của hệ thống lọc nước RO	-	22,3
5	Chai lọ, dụng cụ đựng sản phẩm, không đạt yêu cầu (thủy tinh không vỡ)	03 05 12	10,4
6	Bùn thải từ bể tự hoại	-	154
Tổng khối lượng			490,9

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: 117.000 kg/năm”

6.3. Điều chỉnh, bổ sung nội dung tiểu mục 2.1. mục 2 phần A Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 như sau:

“2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị lưu chứa: Đối với chất thải nguy hại dạng lỏng (dầu bôi trơn thải, hóa chất thải bỏ của phòng kiểm nghiệm,...) lưu chứa bằng phuy nhựa dung tích 220 lít; thùng phuy nhựa 80 lít; Chất thải nguy hại khác (giẻ lau dính thành phần nguy hại,

bóng đèn huỳnh quang thải, nguyên liệu thuốc quá hạn, Than hoạt tính thải bỏ, Dầu mỡ thải từ bể tách dầu mỡ của hệ thống xử lý nước thải và các hố ga lắng cặn trên đường thoát nước của nhà xưởng thuốc tiêm – dịch truyền...) chứa thùng phuy nhựa dung tích 220 lít, 80 lít có nắp đậy, kín; Bùn thải nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải lưu chứa tại bể chứa bùn. Tất cả các chất thải nguy hại được lưu chứa riêng biệt, dán nhãn, phân loại mã chất thải nguy hại và đáp ứng yêu cầu tại khoản 4 và khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

b) Kho/ khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho lưu chứa: 49m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Nền bê tông cốt thép, cửa kho có gờ chắn cao 200mm so với mặt nền xung quanh, đảm bảo kín khít, không bị nước mưa chảy tràn vào; Tường bao xung quanh bằng gạch, sơn hoàn thiện; Mái lợp tôn; Cửa kho bằng tôn; Bên trong kho chứa có rãnh thu gom chất thải dạng nước rò rỉ kích thước BxH=200mmx200mm, hố ga thu gom cuối mương.”

6.4. Điều chỉnh, bổ sung nội dung tiêu mục b 2.2. mục 2 phần A Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 như sau:

“b) Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/ khu vực lưu chứa ngoài trời: Nhà lưu chứa diện tích 49m².

Kết cấu, cấu tạo kho lưu chứa: Nền bê tông cốt thép, có cửa kho đảm bảo kín khít, không bị nước mưa chảy tràn vào; Tường bao xung quanh bằng gạch, sơn hoàn thiện; Mái lợp tôn.”

6.5. Điều chỉnh, bổ sung nội dung tiêu mục 2.3. mục 2 phần A Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 như sau:

“2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a) Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa rác loại 10 lít, 20 lít, 240 lít (vật liệu nhựa, có nắp đậy) tại khu văn phòng làm việc, bên trong và bên ngoài nhà xưởng, xuống 7m³ tại khu vực lưu giữ rác sinh hoạt.

b) Kho/ khu vực lưu chứa: Diện tích 24,5m².

Kết cấu, cấu tạo kho lưu chứa: Nền bê tông cốt thép, có cửa kho đảm bảo kín khít, không bị nước mưa chảy tràn vào; Tường bao xung quanh bằng gạch, sơn hoàn thiện; Mái lợp tôn.”

7. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo đối với nội dung điều chỉnh:

- Trong quá trình thi công, lắp đặt dây chuyền sản xuất thuốc viên tại nhà xưởng ký hiệu số 7 với quy trình công nghệ sản xuất thuốc viên giải phóng có kiểm soát, dây chuyền sản xuất, tự động khép kín (không thực hiện cải tạo, nâng cấp nhà xưởng) phải đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và trật tự giao thông trong Khu công nghệ cao.

- Các nguồn thải khác như từ hệ thống thoát khí, hơi hóa chất phát sinh sau tủ hút tại phòng QC (tầng 1, 2) nhà xưởng OSD và trung tâm nghiên cứu R&D, 02 lò hơi

đốt gas công suất 1,5 tấn/giờ, máy phát điện dự phòng (chỉ hoạt động khi xảy ra mất điện) không có hệ thống xử lý khí thải và hệ thống lọc không khí cho toàn nhà xưởng phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu môi trường, an toàn môi trường lao động và sử dụng nhiên liệu sạch đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định.

- Công ty Cổ phần Dược Danapha chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ cao”; Thực hiện lưu giữ báo cáo đề xuất cấp điều chỉnh giấy phép môi trường và các tài liệu liên quan khác để cơ quan có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

- Yêu cầu Công ty Cổ phần Dược Danapha tiếp tục thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này, các nội dung khác của Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.

